



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

BẢN TIN SỐ 1469

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 23/08/2024 ĐẾN NGÀY 29/08/2024)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

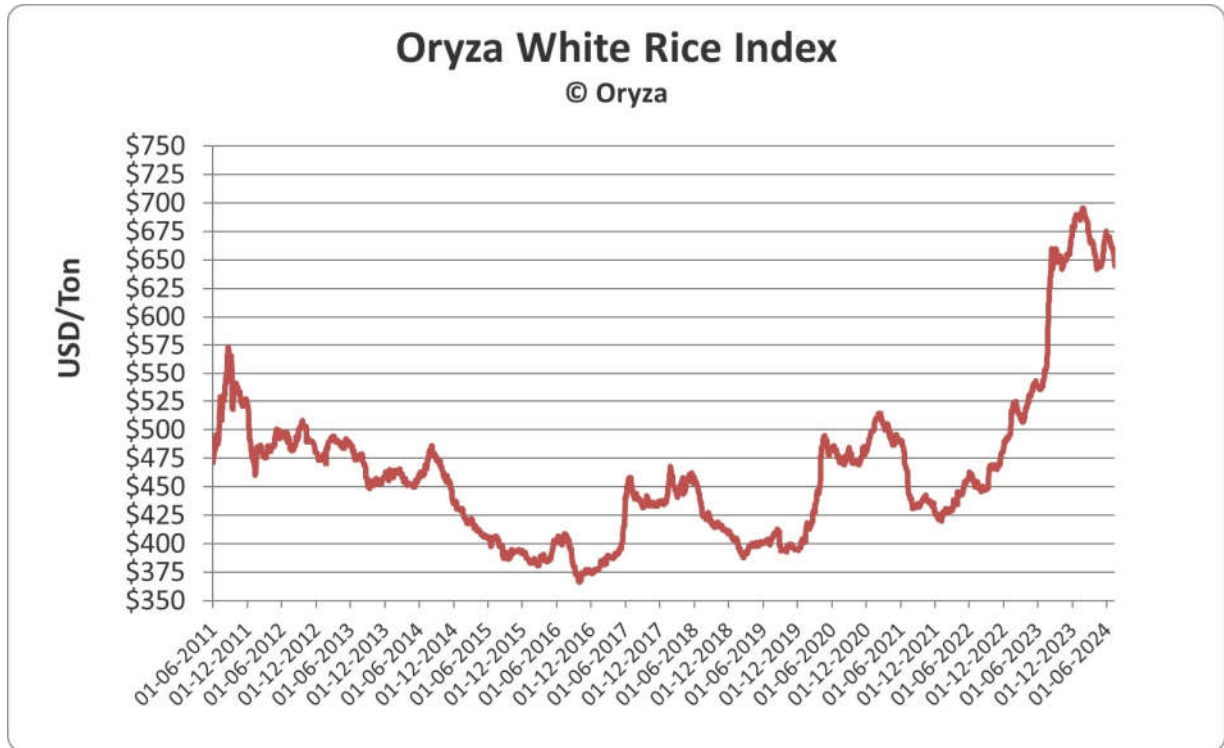
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

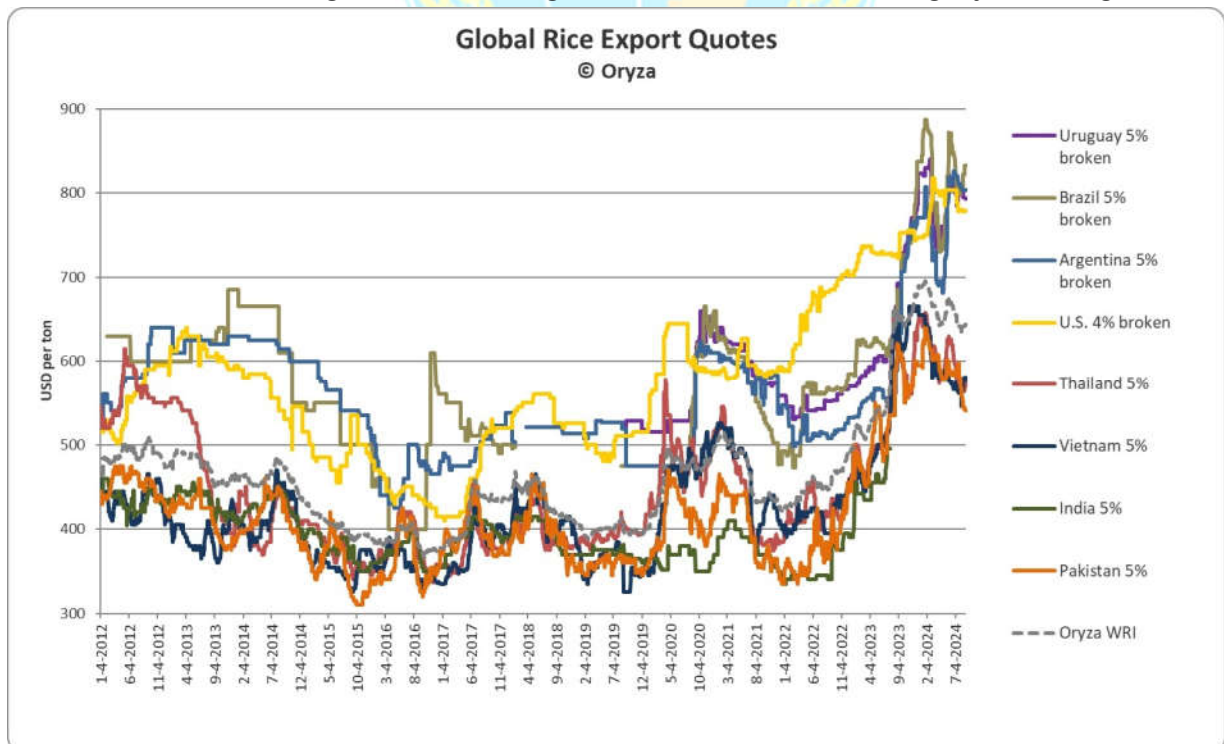
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	26 - 08		27 - 08		28 - 08		29 - 08	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	583	587	583	587	583	587	583	587
	5% tấm	568	572	568	572	568	572	568	572
	25% tấm	520	524	520	524	520	524	520	524
	Hom Mali 92%	940	944	940	944	940	944	940	944
	Gạo đỏ 100% Stxd	576	580	576	580	576	580	576	580
	A1 Super	449	453	449	453	449	453	449	453
VIỆT NAM	5% tấm	579	583	579	583	579	583	579	583
	25% tấm	547	551	547	551	547	551	547	551
	Jasmine	668	672	668	672	668	672	668	672
	100% tấm	440	444	440	444	440	444	440	444
ẤN ĐỘ	5% tấm	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
	25% tấm	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
	Gạo đỏ 5% Stxd	528	532	528	532	528	532	528	532
	100% tấm Stxd	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
PAKISTAN	5% tấm	539	543	539	543	539	543	539	543
	25% tấm	506	510	506	510	506	510	506	510
	100% tấm Stxd	429	433	429	433	429	433	429	433
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	530	534	530	534	530	534	530	534
MỸ	4% tấm	777	781	777	781	777	781	777	781
	15% tấm (Sacked)	768	772	768	772	768	772	768	772
	Gạo đỏ 4% tấm	777	781	777	781	777	781	777	781
	Calrose 4%	876	880	876	880	876	880	876	880

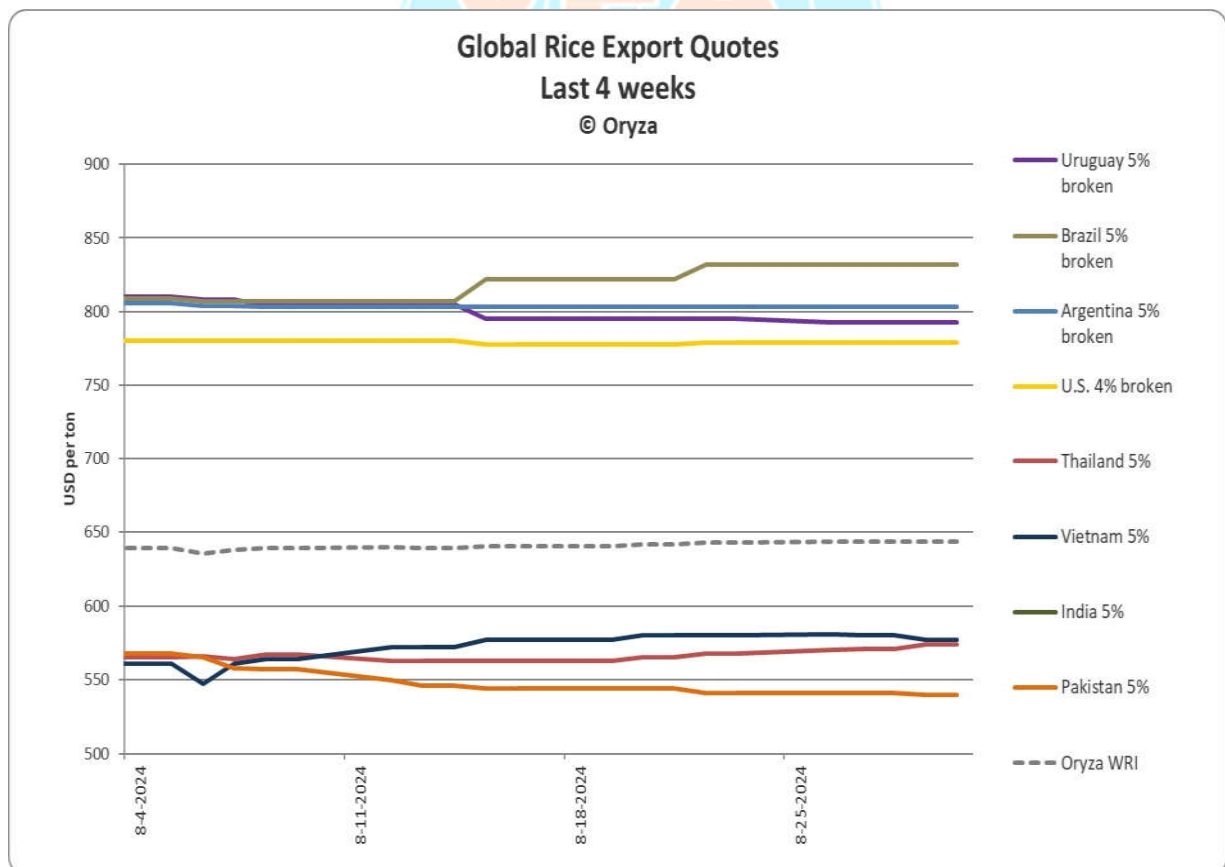
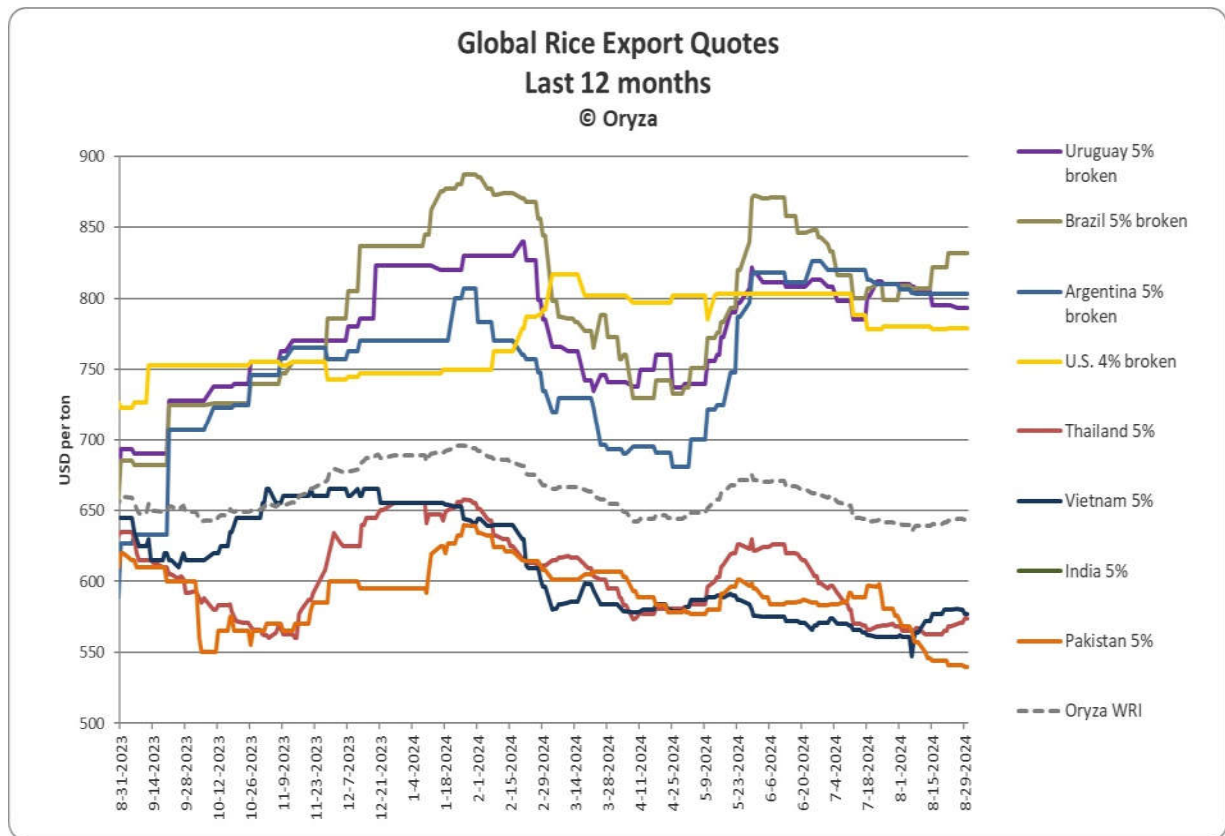
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

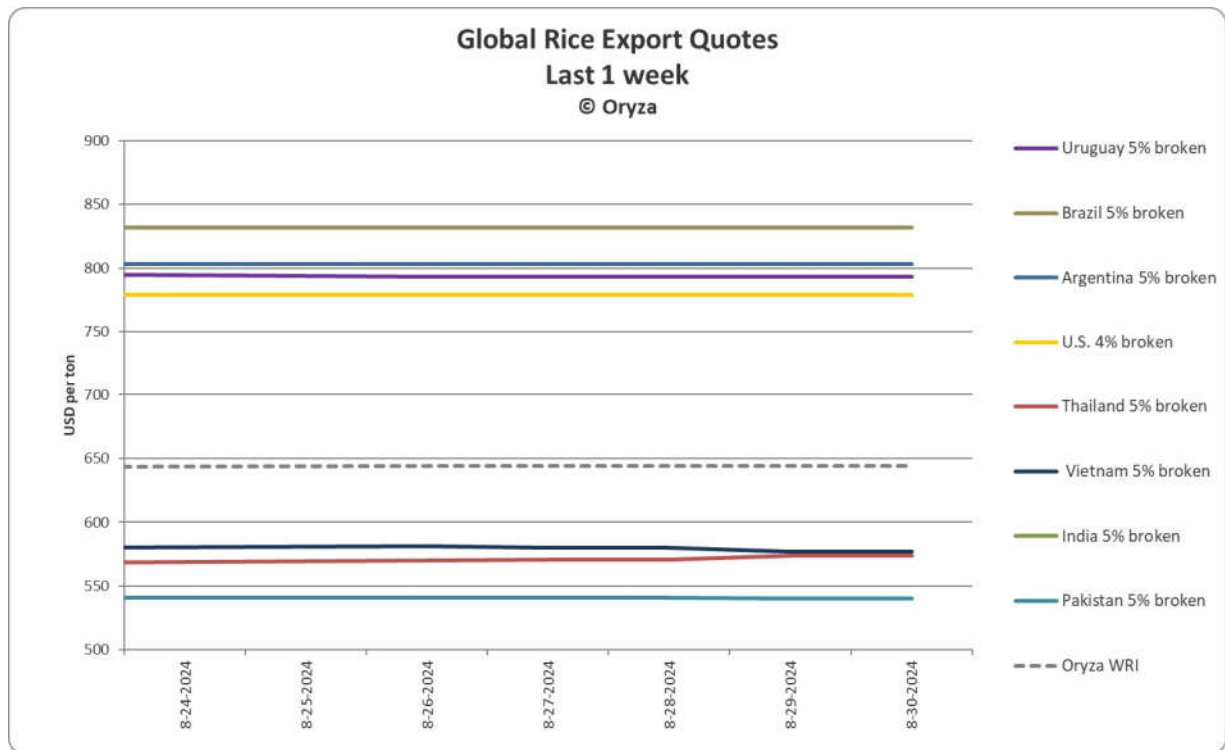
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền toàn cầu kết thúc tuần ở mức 644 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 3 USD/tấn so với tháng trước và tăng 30 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Indonesia

Chính phủ Indonesia đang đặt mục tiêu sản xuất 32 triệu tấn gạo (cơ sở xay xát) trong năm 2025, tăng so với mức ước tính 31,57 triệu tấn trong năm 2024. Nước này đang có kế hoạch nhập khẩu thêm 900.000 tấn gạo trước cuối năm nay trong bối cảnh sản lượng có khả năng giảm do El Nino. Theo Tổng giám đốc điều hành Bulog, trong hạn ngạch nhập khẩu gạo được phân bổ là 3,6 triệu tấn, cho đến nay Bulog đã nhập khẩu 2,7 triệu tấn. Cho đến nay, Indonesia đã nhập khẩu gạo từ Thái Lan, Việt Nam, Pakistan, Miến Điện và Campuchia. Theo Cục thống kê Indonesia, sản lượng gạo trong mười tháng đầu năm 2024 (tháng 1 - tháng 10) dự kiến đạt 26,9 triệu tấn, giảm khoảng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Cơ quan Thống kê Trung ương (BPS) nhiều biện pháp khác nhau của chính phủ Indonesia đã giúp thúc đẩy sản xuất lúa gạo trong nước trong bối cảnh hiện nay. BPS dự báo sản lượng gạo xay xát trong tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2024 lần lượt là 2,84 triệu tấn, 2,87 triệu tấn và 2,59 triệu tấn. Các dự báo này tăng khoảng 300.000 tấn mỗi tháng so với năm ngoái. Sản lượng gạo trong giai đoạn này thường ổn định, nhưng năm nay sản lượng đã tăng lên do chính phủ phân phối máy bơm nước và phân bón lại phân bón trợ cấp. Hiện tại, Bộ Nông nghiệp đã phân phối 36.525 máy bơm nước trên khắp Indonesia, đặc biệt là ở các vùng nông nghiệp trọng điểm. Điều này đã khiến sản lượng lúa tăng đột biến, thậm chí vượt qua mức của 10 năm qua và có thể đạt được mục tiêu tự cung tự cấp lúa gạo vào năm tới.

Bangladesh

Theo Bộ Nông nghiệp, lượng mưa lớn do áp thấp gió mùa ở Vịnh Bengal và lũ lụt tiếp theo ở Bangladesh đã làm hư hại khoảng 291.033 ha diện tích lúa. Dự kiến sẽ có khoảng 850.000 tấn gạo bị mất do mưa và lũ lụt. Khoảng 19.680 ha ruộng vụ Aman cũng bị hư hại do lũ lụt.

USDA đã điều chỉnh bảng cân đối gạo của Bangladesh, hạ dự báo sản lượng gạo xay xát niên khóa 2023/24 xuống còn 36,3 triệu tấn, giảm nhẹ so với dự báo chính thức của USDA là 36,4 triệu tấn. Sự sụt giảm này là do một phần thiệt hại do Bão "Midhili" trong vụ Aman. Giá gạo đã tăng kể từ tháng 10 năm 2023 do lạm phát cao và chi phí logistic, nhưng giá bắt đầu ổn định vào tháng 1 năm 2024 khi gạo vụ Aman mới được đưa vào thị trường. Mặc dù dự báo sản lượng thấp hơn, USDA vẫn giữ nguyên ước tính tiêu thụ gạo ở mức 37,7 triệu tấn, cao hơn một chút so với năm trước. Tuy nhiên, USDA đã giảm dự báo nhập khẩu gạo xuống còn 500.000 tấn, giảm so với dự báo 650.000 tấn trước đó do thuế nhập khẩu cao. Chính phủ đã không giảm các mức thuế này đến tháng 12 năm 2023, mặc dù giá trong nước tăng. Cuối cùng, USDA đã hạ dự báo về lượng gạo tồn kho cuối kỳ xuống còn 1,126 triệu tấn, giảm so với ước tính 1,451 triệu tấn trước đó, do chính phủ giảm mua trong các vụ Aman và Boro. Con số này cũng thấp hơn lượng gạo tồn kho cuối kỳ của năm trước là 1,2 triệu tấn.

Nhật Bản

Theo thông báo của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF), Nhật Bản đã mua 66.000 tấn gạo trong một phiên đấu thầu quốc tế được tiến hành vào ngày 30 tháng 8 năm 2024. MAFF đã mua 38.000 tấn gạo hạt trung (bao gồm 26.000 tấn từ Hoa Kỳ và 12.000 tấn từ Úc) và 28.000 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan. Giá gạo nhập khẩu trung bình là 110.001 Yên (khoảng 760 USD/tấn) chưa bao gồm thuế và 118.801 Yên (khoảng 820 USD/tấn) bao gồm thuế. Kết quả liên quan đến cuộc đấu thầu nhập khẩu thông thường thứ ba của Nhật Bản trong niên khóa 2024 - 25 (tháng 4 năm 2024 - tháng 3 năm 2025).

Nhật Bản đang phải đối mặt với tình trạng thiếu gạo chưa từng có khi người dân đổ xô đi mua gạo trong hoảng loạn vì lo sợ "siêu động đất" và một loạt các cơn bão. Nhật Bản đang phải đối mặt với tình trạng thiếu gạo lần đầu tiên kể từ năm 1999. Sản lượng thu hoạch thấp hơn dự kiến trong bối cảnh thời tiết nóng bức và thiếu nước, mặt khác, nhu cầu tăng cao từ khách du lịch cũng được cho là đã dẫn đến tình trạng thiếu gạo.

Hàn Quốc

Diện tích trồng lúa ở Hàn Quốc ước tính sẽ giảm khoảng 1,5% so với cùng kỳ năm trước xuống mức thấp kỷ lục là 687.416 ha vào năm 2024 so với mức 697.714 ha vào năm 2023, diện tích đã liên tục giảm trong vài năm qua, giảm từ hơn một triệu ha vào năm 2004 xuống còn 687.416 ha vào năm 2024.

Châu Âu

Chính phủ **Tây Ban Nha** dự báo diện tích lúa năm 2024 của quốc gia này là khoảng 81.300 ha, tăng khoảng 48% so với ước tính 54.900 ha năm 2023. Ước tính sản lượng lúa năm 2024 của quốc gia này là khoảng 576.800 tấn, tăng khoảng 73,4% so với ước tính 332.700 tấn năm 2023.

Châu Phi

Chính phủ **Ghana** đã cấm xuất khẩu gạo, bắp (ngô) và đậu nành do tình trạng thiếu gạo vì hạn hán. Hạn hán kéo dài trong hai tháng dự kiến sẽ làm giảm sản lượng cây trồng, đặc biệt là ở các vùng phía Bắc, ảnh hưởng đến khoảng 1,8 triệu ha đất nông nghiệp. Điều này có thể dẫn đến tình trạng thiếu hụt đáng kể nguồn cung ngũ cốc và có khả năng gây ra tình trạng thiếu lương thực trên toàn quốc. Để giải quyết cuộc khủng hoảng, chính phủ đang tìm nguồn tài trợ 500 triệu USD, bao gồm 155 triệu USD từ Ngân hàng Thế giới và nguồn từ các đối tác khác, để hỗ trợ những người nông dân bị ảnh hưởng. Ngoài ra, chính phủ có kế hoạch nhập khẩu thêm ngũ cốc, mặc dù điều này có thể làm suy yếu đồng tiền và làm tăng lạm phát lương thực, vốn đã ở mức trên 20%.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan

Theo dự báo mới nhất từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất của Thái Lan, dự báo sản lượng gạo xay xát của Thái Lan niên khóa 2024/25 (tháng 1 - tháng 12 năm 2025) xuống 20,028 triệu tấn so với dự báo chính thức của USDA là 20,1 triệu tấn; Dự báo mức tiêu thụ gạo niên khóa 2024/25 lên 12,9 triệu tấn so với dự báo chính thức của USDA là 12,6 triệu tấn; Dự báo xuất khẩu gạo niên khóa 2024/25 không thay đổi so với dự báo chính thức của USDA là 7,5 triệu tấn, lũy kế xuất khẩu gạo trắng các loại (không bao gồm gạo Hom Mali) tính từ ngày 01/01 đến ngày 04/08 đạt 4,97 triệu tấn, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm ngoái; Dự báo lượng gạo tồn kho cuối vụ 2024/25 xuống còn 1,936 triệu tấn so với dự báo chính thức của USDA là 2,849 triệu tấn.

Kết thúc tuần ngày 23/08, thị trường gạo trắng có dấu hiệu lạc quan hơn nhờ đồng baht Thái mạnh lên so với đồng USD, góp phần hỗ trợ cho phân

khúc xuất khẩu cùng với thông báo mở đợt thầu lần 7 trong năm 2024 của Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog). Dự kiến giá chào xuất khẩu có khuynh hướng giảm vì có khả năng giá nội địa giảm trong những tuần tới.

Các nhà xuất khẩu đang tất bật hoàn thành các hợp đồng đã ký trước đó, hiện tại nguồn cung cũng không còn nhiều để thực hiện thêm giao dịch mới cho đến khi vụ mới bắt đầu thu hoạch vào tháng 10/2024 tới.

Ngày 23/08 vừa qua, Bulog đã thông báo mở thầu lần thứ 7 trong năm 2024, dự kiến nhập 350.000 tấn gạo trắng 5% tấm niên vụ 2024 (đã xay xát không quá 6 tháng), có nguồn gốc từ Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Campuchia và Pakistan. Kết quả thầu sẽ được công bố vào ngày 05/09 và thời gian giao hàng dự kiến trong tháng 09 – 10/2024. Do nguồn cung gạo Việt Nam không còn dồi dào, dự đoán sẽ có sự cạnh tranh giữa Thái Lan và Pakistan. Thái Lan có khả năng trúng thầu trong đợt này do giá cả cạnh tranh hơn so với đợt thầu trước đó.

Ấn Độ

Kết thúc tuần ngày 23/08, thị trường gạo phi basmati yên ắng do nhu cầu quốc tế yếu, người mua chờ nguồn cung từ vụ Kharif sắp tới. Ngày 19/08 vừa qua, nguồn tin ghi nhận Ấn Độ sẽ xuất khẩu 200.000 tấn gạo phi basmati sang Malaysia thông qua hợp tác xã NCEL. Dự kiến sẽ mất thêm 15 – 30 ngày để có thêm thông tin cụ thể về giá cả vì các cơ quan hợp tác liên quan thương lượng với cơ quan Bernas về thời gian giao hàng và số lượng khác nhau trước khi giao dịch với thương nhân xuất khẩu Ấn Độ.

Thị trường gạo basmati tuần qua có xu hướng giảm do nhu cầu quốc tế không ổn định, người mua đang chờ nguồn cung từ vụ mới. Quyết định của chính phủ về việc giảm giá xuất khẩu tối thiểu (MEP) đối với phân khúc gạo basmati dự kiến sẽ được công bố sớm nhất có thể, sau khi cuộc họp với Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Thực phẩm Chế biến và Nông nghiệp (APEDA) vừa diễn ra vào ngày 22/08 vừa qua.

Về diện tích trồng lúa vụ Kharif (tháng 6 - tháng 9) của Ấn Độ đã đạt 39,43 triệu ha, tăng khoảng 4,3% so với ước tính 37,804 triệu ha, theo tuyên bố của Bộ Nông nghiệp và Phúc lợi Nông dân. Tổng diện tích trồng lúa vụ Kharif đạt 106,508 triệu ha, tăng khoảng 2% so với cùng kỳ năm trước. Theo Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD), lượng mưa cho đến nay đã cao hơn 7% so với bình thường trong mùa mưa gió mùa hiện tại kéo dài từ tháng 6 đến tháng 9. Việc gieo trồng thường bắt đầu vào cuối tháng 5 và đạt đỉnh vào tháng 7, với việc thu hoạch thường bắt đầu vào cuối tháng 9.

Hiệp hội Dầu thực vật Ấn Độ (SEA) đã yêu cầu chính phủ xem xét lại quyết định gia hạn lệnh cấm cấm gạo đã tách dầu cho đến ngày 31 tháng 1

năm 2025 "vì lợi ích lớn hơn của ngành, các nhà máy xay xát gạo, nông dân và quốc gia".

Chính phủ Ấn Độ đã cho phép các nhà sản xuất ethanol mua tối đa 230.000 tấn gạo đến cuối ngày 31 tháng 10 năm 2024. Đây là một phần của chính sách mới, sau đó chính phủ sẽ ngừng bán gạo cho các nhà sản xuất ethanol với giá 20 Rupee/kg (khoảng 238 USD/tấn). Thay vào đó, chính phủ sẽ cho phép họ mua gạo trực tiếp từ Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI) bằng cách tham gia các cuộc đấu giá hàng tuần.

Pakistan

Thị trường kết thúc tuần ngày 23/08 vẫn trầm lắng, giá cả không có nhiều biến động, vẫn trong trạng thái chờ và quan sát thị trường. Thị trường chưa ghi nhận thêm nhiều giao dịch do nhu cầu mua mới hạn chế. Bên cạnh đó, cước vận chuyển tiếp tục tăng cao làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao dịch. Dự kiến vụ thu hoạch mới sẽ bội thu với sản lượng gạo trắng dao động quanh mức 4,5 – 5 triệu tấn. Tuy nhiên, mưa lớn gây thiệt hại mùa màng, có khả năng ảnh hưởng đến nguồn cung gạo của quốc gia này.

Thị trường đang cân nhắc khi giao dịch do vẫn chưa có thông tin chính thức về lệnh hạn chế xuất khẩu gạo phi basmati của Ấn Độ. Nếu lệnh hạn chế xuất khẩu gạo được gỡ bỏ, nguồn cung từ Ấn Độ sẽ đưa ra thị trường, làm tăng sự cạnh tranh hơn so với nguồn cung của Pakistan, dự đoán nguồn khách hàng tiềm năng sẽ chuyển hướng sang thị trường Ấn Độ. Tuy nhiên, do nguồn cung của Việt Nam hiện không còn nhiều, thông tin thầu Bulog như một cơ hội cho các nhà xuất khẩu Pakistan cũng như Thái Lan. Mặc dù triển vọng thị trường ngắn hạn của Pakistan có dấu hiệu lạc quan, nhưng những sự trì hoãn giao hàng trước đây vẫn là một vấn đề đáng lo ngại. Thị trường cũng cảnh báo khả năng nguồn cung của vụ thu hoạch mới trong tháng 09 – 10/2024 sẽ bị hạn chế.

Miến Điện

Thị trường kết thúc tuần ngày 23/08 duy trì ổn định. Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF) đã giảm giá chào gạo trắng 5% tấn (gạo xay xát đã sortex), hiện dao động quanh mức 520 – 525 USD/T/FOB. Vụ thu hoạch mới dự kiến sẽ bắt đầu vào tháng 09 – 10/2024. MRF đang có kế hoạch dự trữ một triệu tấn gạo trong kho dự trữ Quốc gia với các giống lúa Pawsan ngoài giống lúa Aemahta thông thường.

Thị trường chưa ghi nhận giao dịch nào giao đến Tây Phi tuần qua do cước vận chuyển bằng container hiện đang rất cao. Trong tình hình hiện tại, vận chuyển bằng tàu rời sẽ thuận lợi hơn.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	16 - 08	19 - 08	20 - 08	21 - 08	22 - 08
Trung Quốc (CNY/USD)	7.16	7.14	7.13	7.13	7.14
Châu Âu (EUR/USD)	0.91	0.90	0.90	0.90	0.90
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	15691.38	15560.75	15441.85	15497.73	15710.08
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.43	4.38	4.38	4.38	4.38
Philippines Peso (PHP/USD)	57.11	56.66	56.51	56.43	56.43
Hàn Quốc (KRW/USD)	1354.76	1334.55	1332.15	1334.27	1343.56
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	148.15	146.41	145.72	145.19	145.99
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	83.90	83.86	83.75	83.89	83.95
Miến Điện (MMK/USD)	2098.10	2097.99	2097.11	2097.47	2097.98
Pakistan Rupees (PKR/USD)	278.88	278.57	277.71	278.58	278.63
Thái Lan Baht (THB/USD)	34.80	34.45	34.23	34.17	34.54
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25048.32	24898.66	24998.55	24968.90	25005.83

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 29/08/2024, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2024 đã xuống giống được 1,465 triệu ha/1,480 triệu ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được khoảng 1,310 triệu ha, với năng suất khoảng 58 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7,590 triệu tấn lúa.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 16.08.2024 đến 22.08.2024:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 7.975 ha (giảm 2.147 ha so với kỳ trước, tăng 3.847 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 32 ha; phòng trừ trong kỳ 2.497 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Thanh Hoá, Nghệ An, Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Sóc Trăng, Long An...;

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 5.867 ha (giảm 3.657 ha so với kỳ trước, tăng 1.943 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 2.597 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Lâm Đồng, Khánh Hoà, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Trà Vinh, Tiền Giang, Kiên Giang...;

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 27.323 ha (tăng 14.165 ha so với kỳ trước, giảm 221,097 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 6.300 ha, phòng trừ trong kỳ 10.716 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Thọ, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hoá, Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Lắk, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Đồng Tháp, Vĩnh Long,...;

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 22.190 ha (tăng 16.143 ha so với kỳ trước, giảm 50.574 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 721 ha, phòng trừ trong kỳ 3.404 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Quảng Nam, Gia Lai, Đà Nẵng, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Nai, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau...;

- **Bọ phấn (rầy phấn trắng):** Diện tích nhiễm 2.290 ha (giảm 1.813 ha so với tuần trước), trong đó nhiễm nặng 50 ha. Mật độ phổ biến 2.000 – 4.000 con/m², nơi cao > 6.000 con/m². Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Đồng Tháp, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, An Giang,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.714 ha (tăng 72 ha so với kỳ trước, tăng 152 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 32 ha; phòng trừ trong kỳ 885 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Yên Bái, Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà, Gia Lai, Phú Yên, Quảng Nam, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Đồng Nai, Long An, Hậu Giang,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 8.183 ha (giảm 835 ha so với kỳ trước, giảm 1.490 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 59 ha; phòng trừ trong kỳ 4.322 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Bắc Giang, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Bạc Liêu, Long An, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ...;

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 12.215 ha (giảm 4.732 ha so với kỳ trước, giảm 7.661 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 141 ha; phòng trừ trong kỳ 5.579 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lai Châu, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Định, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Đồng Nai...;

- **Bọ trĩ:** Diện tích nhiễm 402 ha (tăng 96 ha so với kỳ trước, tăng 276 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 288 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Tây Ninh, Vĩnh Long, TP Hồ Chí Minh...;

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 3.037 ha (tăng 343 ha so với kỳ trước, giảm 292 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 2.029 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, An Giang, Hậu Giang, Tây Ninh...;

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 11.595 ha (giảm 618 ha so với kỳ trước, giảm 2.449 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 321 ha; phòng trừ trong kỳ 1.802 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Phú Yên, Quảng Nam, Gia lai, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Cà Mau, Đồng Nai,...;

2.2. Dự báo sâu bệnh:

*** Trên cây lúa**

a) Các tỉnh Bắc Bộ:

- *Rầy nâu – rầy lưng trắng:* Rầy cám lúa 6 tiếp tục nở và gây hại trên các trà lúa.

- *Sâu cuốn lá nhỏ:* Trưởng thành lúa 6 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng. Sâu non hại diện rộng từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9, trên trà lúa chính vụ - muộn, nhất là các tỉnh ven biển, đồng bằng Sông Hồng.

- *Sâu đục thân 2 chấm:* Trưởng thành lúa 5 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng. Sâu non gây dảnh héo, bông bạc trà lúa trổ sớm đầu tháng 9.

Ngoài ra: *Chuột, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, lúa cỏ* tiếp tục hại.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:

- *Chuột:* tiếp tục phát sinh gây tăng trên các trà lúa, hại nặng tại các chân ruộng gần làng, gò bãi tại các tỉnh trong vùng.

- *Bệnh khô vằn:* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa trà sớm, trà chính vụ, hại nặng trên những chân ruộng gieo cấy dày, bón thừa đạm.

Ngoài ra, *rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh bạc lá, bệnh đen lem lép hạt, ...* tiếp tục gây hại xu hướng tăng trên lúa Hè Thu- lúa Mùa sớm.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép hạt, bệnh khô vằn,...* tiếp tục phát sinh gây hại tăng, hại nặng cục bộ trên lúa giai đoạn trổ - chín. *Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn,...* tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh rộ - đòng trổ.

- *Bệnh đạo ôn lá* tiếp tục phát sinh và gây hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình trên lúa giai đoạn đứng cái – làm đòng ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình

Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk,...

- *Chuột* tiếp tục gia tăng gây hại trên lúa giai đoạn đồng trổ và gây hại rải rác lúa Hè Thu muộn, lúa Mùa giai đoạn sạ - mạ.

- *Ốc bươu vàng*: Gây hại rải rác lúa Mùa giai đoạn xuống giống - mạ ở các vùng trũng thấp.

d) Các tỉnh Nam Bộ

- *Rầy nâu*: trên đồng phổ biến rầy tuổi 4-trưởng thành, tiếp tục phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – làm đồng, cục bộ có diện tích nhiễm nặng trên lúa giai đoạn đồng trổ - chín; cần theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy và tình hình thời tiết tại địa phương, thực hiện “né rầy” hiệu quả và hạn chế được thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi gây ra,

- *Bệnh đạo ôn*: Có khả năng gia tăng diện tích nhiễm trên các trà lúa giai đoạn từ đẻ nhánh – đồng trổ, nhất là những ruộng gieo trồng giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm.

Ngoài ra, cần chú ý *rầy phấn trắng* gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh- làm đồng; *ốc bươu vàng* gây hại trên lúa mới xuống giống <15 NSS; *chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đồng trổ - chín.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 29/08/2024 có 83 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 503.900 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Minh Trường 18	HCM	01/08/2024	4.800	Indonesia
2	Ocean 86	HCM	01/08/2024	6.600	Philippines
3	Phúc Thuận 89	HCM	01/08/2024	4.800	Philippines
4	Star 16	HCM	01/08/2024	5.700	Philippines
5	Phú an 368	HCM	02/08/2024	4.750	Philippines
6	Royal 88	HCM	02/08/2024	5.000	Indonesia
7	Thái Bình 39	HCM	02/08/2024	3.800	Philippines
8	Destiny	HCM	03/08/2024	17.600	Châu Phi
9	Quang Minh 6	HCM	03/08/2024	4.100	Malaysia
10	Royal 89	HCM	03/08/2024	5.050	Philippines
11	Nasico Eagle	HCM	04/08/2024	6.350	Philippines
12	Oriental Star	HCM	04/08/2024	4.750	Philippines
13	Minh Anh 01	HCM	06/08/2024	3.500	Malaysia
14	Sea Dragon 9999	HCM	06/08/2024	4.900	Indonesia

15	Đông Phú	HCM	07/08/2024	12.000	Philippines
16	Hòa Bình 09	HCM	07/08/2024	6.450	Philippines
17	Mỹ Hưng	HCM	07/08/2024	6.000	Philippines
18	Trường An 05	HCM	07/08/2024	6.600	Philippines
19	Vinacomin Halong	HCM	07/08/2024	7.400	Philippines
20	Vinacomin Hanoi	HCM	07/08/2024	7.400	Philippines
21	An Thịnh Phú 08	HCM	08/08/2024	6.300	Philippines
22	Long Tân 99	HCM	08/08/2024	4.850	Philippines
23	North Star	Mỹ Thới	08/08/2024	1.500	Philippines
24	Green Sky	HCM	09/08/2024	4.000	Indonesia
25	Long Tân 3	HCM	09/08/2024	4.850	Philippines
26	Phú an 369	HCM	09/08/2024	4.850	Philippines
27	Ocean 88	HCM	10/08/2024	12.200	Indonesia
28	Hải Âu 58	HCM	11/08/2024	4.800	Philippines
29	Hòa Long Dương Vigor	HCM	12/08/2024	4.850	Malaysia
30	Tân An Advance	HCM	12/08/2024	6.400	Philippines
31	Việt Hải Sun	HCM	12/08/2024	6.800	Philippines
32	Vinh Quang Star	HCM	12/08/2024	6.850	Philippines
33	New Xa La	HCM	13/08/2024	4.100	Philippines
34	Seagull Victory	HCM	13/08/2024	10.500	Philippines
35	Sunrise 69	HCM	13/08/2024	6.800	Philippines
36	Vinh Quang 379	HCM	13/08/2024	3.800	Philippines
37	Hòa Bình 54	HCM	14/08/2024	4.750	Philippines
38	Hồng Lĩnh 1	HCM	14/08/2024	12.250	Indonesia
39	Quang Minh 9	HCM	14/08/2024	4.000	Indonesia
40	Phú An 288	HCM	15/08/2024	4.350	Philippines
41	Nasico 08	HCM	16/08/2024	2.750	Malaysia
42	Green Star	HCM	17/08/2024	2.800	Philippines
43	Hòa Bình 45	HCM	17/08/2024	4.000	Philippines
44	Royal 18	HCM	17/08/2024	5.050	Philippines
45	Royal 27	HCM	17/08/2024	13.000	Indonesia
46	Tuấn Dũng 36	HCM	17/08/2024	6.100	Philippines
47	Thái Bình 01	HCM	18/08/2024	4.800	Indonesia
48	Green Sea	HCM	19/08/2024	10.500	Philippines
49	Hải Âu 28	HCM	19/08/2024	3.450	Indonesia
50	Minh Tuấn 28	HCM	19/08/2024	4.600	Indonesia
51	PHC Fortune	HCM	19/08/2024	6.000	Philippines
52	Seacom Victory	HCM	19/08/2024	2.800	Philippines
53	Hoàng Triều 69	HCM	20/08/2024	4.100	Philippines
54	Lucky Star 6	HCM	20/08/2024	12.500	Philippines
55	Quang Minh 5	HCM	20/08/2024	4.100	Philippines

56	TTC Hải Phong	HCM	20/08/2024	7.300	Indonesia
57	Thành Công 45	HCM	21/08/2024	3.250	Malaysia
58	VTV Dragon	HCM	21/08/2024	6.600	Philippines
59	Tân An Honesty	HCM	22/08/2024	5.700	Philippines
60	HPC Lucky	HCM	23/08/2024	4.000	Indonesia
61	Mekong Star	Mỹ Thới	23/08/2024	2.300	Philippines
62	Nam Phát Star	HCM	23/08/2024	4.000	Indonesia
63	Quang Minh 6	HCM	23/08/2024	4.100	Malaysia
64	Tân An 01	HCM	23/08/2024	4.750	Philippines
65	Limco Logger	HCM	24/08/2024	6.600	Philippines
66	Segul 09	HCM	24/08/2024	4.850	Philippines
67	Brother 28	HCM	26/08/2024	2.750	Malaysia
68	Hoàng Triều 68	HCM	26/08/2024	6.600	Philippines
69	Vinh 02	HCM	26/08/2024	4.900	Indonesia
70	Đồng Thịnh	HCM	28/08/2024	2.750	Philippines
71	Hoàng Thuận 89	HCM	28/08/2024	4.750	Philippines
72	MD Sky	HCM	28/08/2024	12.500	Philippines
73	MD Sun	HCM	28/08/2024	6.600	Philippines
74	Phúc Hoàng 26	HCM	28/08/2024	3.350	Indonesia
75	Star 16	HCM	28/08/2024	4.350	Philippines
76	Sumit	HCM	28/08/2024	6.600	Philippines
77	TTP 68	HCM	28/08/2024	4.800	Philippines
78	Đồng An	HCM	29/08/2024	4.000	Philippines
79	Lan Hạ	HCM	29/08/2024	12.500	Philippines
80	Quang Minh 18	HCM	29/08/2024	6.050	Philippines
81	Thái Bình 38	HCM	29/08/2024	4.750	Philippines
82	Thành Công 36	HCM	29/08/2024	5.100	Malaysia
83	Lion	HCM	31/08/2024	25.200	Châu Phi
Tổng				503.900	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	29/08	+/-	29/08	+/-	29/08	+/-	29/08	+/-	29/08	+/-	29/08	+/-	29/08	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	7.650	-100	8.150	-100	7.950	-100	7.950	+200	7.700	-	8.450	-	8.450	-	8.450	8.043
Lúa thường	7.550	-	7.650	-100	7.600	-150	7.600	-	7.650	-50	7.950	-	7.950	-	7.950	7.707
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	9.050	-100	9.850	-100	9.650	-100	9.450	-100	9.550	-100			10.350	-	10.350	9.650
Lúa thường	8.850	-100	9.500	+100	8.950	-200	9.300	-50	9.950	+300			9.750	-	9.950	9.383
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	11.450	+100	12.150	-150	11.850	-250	12.050	-	12.050	-			13.050	+100	13.050	12.100
Lứt loại 2	11.350	+100	11.550	-	11.275	-275	11.450	-100	11.550	-100	11.550	-100	11.550	+100	11.550	11.468
Xát trắng loại 1			14.150	-150			14.250	+100	14.350	+200	14.650	-100	14.950	-	14.950	14.470
Xát trắng loại 2			13.450	-200			13.575	+75	13.650	+100	13.550	-100	13.550	-	13.650	13.555
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	10.950	+400	10.150	-	9.200	-100	9.500	-	9.450	-	10.150	-	10.850	-200	10.950	10.036
Tấm 2/3			8.650	-200	8.950	-150			8.150	-			8.050	-300	8.950	8.450
Tấm 3/4	7.950	-	8.500	-50	8.350	-50									8.500	8.267
Cám xát	6.900	-150	7.200	-	7.050	-150	7.150	-50	7.250	-	7.250	-	7.050	-100	7.250	7.121
Cám lau	6.900	-150	7.150	-	7.050	-150	7.150	-50	7.250	-	7.250	-	7.150	-100	7.250	7.129
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	13.600	-	13.750	-100	13.600	-350	13.750	-100	13.800	-	13.800	-200	13.750	-	13.800	13.721
10%			13.650	-100					13.600	-					13.650	13.625
15%	13.400	-	13.550	-100	13.400	-350			13.400	-	13.600	-200	13.450	-	13.600	13.467
20%									13.200	-					13.200	13.200
25%	13.200	-	12.950	-100	13.200	-350			13.000	-	13.400	-200	13.150	-	13.400	13.150
